| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CÙ LAO DUNG**<br>**TỈNH SÓC TRĂNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 07/2018/DS-ST
Ngày 18 - 9 - 2018
V/v "Tranh chấp Hợp đồng góp hụi"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà Thái Thị Hoa.

Ông Đỗ Văn Quân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi Văn Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2018/TLST- DS, ngày 20 tháng 4 năm 2018 về việc "Tranh chấp Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST- DS ngày 31 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1954; Cư trú tại: số nhà 78, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh S (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Dương Thị S, sinh năm: 1957; Cư trú tại: số nhà 333, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh S (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm: 1956; Cư trú tại: số nhà 333, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh S (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L và bị đơn là bà Dương Thị S cùng trình bày:

- Vào ngày 20/3/2016 ÂL bà S có làm chủ dây hụi 2.000.000 đồng/phần, hụi 1 tháng khui 1 kỳ, dây hụi có 24 phần, bà L tham gia 01 phần. Sau khi hụi khui bà L đã góp hụi cho bà S được 18 kỳ với số tiền gốc là 25.240.000 đồng.

- Vào ngày 15/6/2016 ÂL bà S có làm chủ dây hụi 3.000.000 đồng/phần, hụi 1 tháng khui 1 kỳ, dây hụi có 22 phần, bà L tham gia 01 phần. Sau khi hụi khui bà L đã góp hụi cho bà S được 15 kỳ với số tiền gốc là 32.620.000 đồng.

- Vào ngày 02/6/2016 ÂL bà S có làm chủ dây hụi 2.000.000 đồng/phần, hụi 1 tháng khui 1 kỳ, dây hụi có 25 phần, bà L tham gia 01 phần. Sau khi hụi khui bà L đã góp hụi cho bà S được 13 kỳ với số tiền gốc là 15.810.000 đồng.

- Vào ngày 25/12/2016 ÂL bà S có làm chủ dây hụi 2.000.000 đồng/phần, hụi 1 tháng khui 1 kỳ, dây hụi có 27 phần, bà L tham gia 01 phần. Sau khi hụi khui bà L đã góp hụi cho bà S được 09 kỳ với số tiền gốc là 11.800.000 đồng.

Như vậy tổng cộng 04 dây hụi bà L đã góp tiền hụi gốc cho bà S là 85.470.000 đồng, nhưng bà L còn nợ tiền hụi bà S là 3.600.000 đồng, sau khi khấu trừ thì bà S còn nợ bà L 81.870.000 đồng. Khi hợp đồng góp hụi thì hai bên không có làm văn bản hợp đồng mà bà S có giao giấy hụi cho bà L.

* Bà Nguyễn Thị L cho rằng khi bà S làm chủ hụi thì chồng bà S là ông Nguyễn Thanh P ở chung trong gia đình biết rõ việc này và số tiền hụi bà S góp của bà L là để chi xài trong gia đình bà S và ông P, nên bà L yêu cầu bà S và ông P phải cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho bà L tổng số tiền hụi gốc là 81.870.000 đồng, không tính lãi.

* Bà Dương Thị S thống nhất hoàn trả cho bà L số tiền hụi gốc là 81.870.000 đồng, không tính lãi, nhưng bà S xin trả dần 06 tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

* Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh P trình bày:

Ông P biết việc bà S làm chủ hụi và bà L có tham gia góp hụi trong các dây hụi mà bà S làm chủ, nhưng ông P không biết bà L tham gia bao nhiêu phần hụi và góp hụi như thế nào. Sau khi bà S ngưng góp hụi thì ông P có nghe bà S nói bà S còn nợ bà L số tiền hụi gốc là 81.870.000 đồng, ông P thống nhất cùng có trách nhiệm hoàn trả cho bà L số tiền 81.870.000 đồng, nhưng ông P xin trả dần 06 tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

1. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung phát biểu ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị L yêu cầu bà S và ông P cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho bà L số tiền hụi gốc là 81.870.000 đồng, không tính lãi; bà S thừa nhận còn nợ bà L số tiền hụi gốc là 81.870.000 đồng, bà S và ông P thống nhất cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho bà L số tiền 81.870.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 351 của Bộ luật Dân sự; Điều 15 và Điều 29 của Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 về hụi, họ, biêu, phường của Chính phủ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà S và ông P cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho bà L số tiền hụi gốc là 81.870.000 đồng, không tính lãi. Riêng việc bà S và ông P xin trả dần không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên không xem xét giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 4 năm 2018 của bà Nguyễn Thị L thì giữa bà L và bà S có hợp đồng góp hụi với nhau. Do bà S vi phạm hợp đồng không hoàn trả lại tiền bà L đã góp hụi cho bà S, nên bà L khởi kiện yêu cầu bà S và ông P cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả tiền hụi. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là tranh chấp hợp đồng góp hụi theo Điều 471 của Bộ luật Dân sự. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Ông Nguyễn Thanh P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông P.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bà Nguyễn Thị L và bà Dương Thị S cùng trình bày: Bà S có làm chủ 04 dây hụi, trong 04 dây hụi này bà L đều có tham gia và đã góp cho bà S tổng số tiền hụi gốc là 85.470.000 đồng, nhưng bà L còn nợ tiền hụi bà S là 3.600.000 đồng, sau khi khấu trừ thì bà S còn nợ bà L 81.870.000 đồng, từ đó đến nay bà S chưa hoàn trả cho bà L. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định hiện nay bà S còn nợ bà L số tiền hụi gốc là 81.870.000 đồng. Bà L yêu cầu bà S và ông P cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho bà L số tiền 81.870.000 đồng, không tính lãi; bà S và ông P cùng thống nhất hoàn trả cho bà L số tiền 81.870.000 đồng.

[2.2] Xét về hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng: Mặc dù hợp đồng góp hụi giữa bà L và bà S không lập thành văn bản, nhưng bà L và bà S cùng thừa nhận có hợp đồng góp hụi với nhau, cụ thể bà S là chủ hụi, bà L là thành viên, do đó xác định đây là hợp đồng góp hụi theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 về hụi, họ, biêu, phường của Chính phủ. Bà L và bà S là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng đều hoàn toàn dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, đối tượng giao dịch được pháp luật cho phép, hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng phù hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận đây là hợp đồng góp hụi hợp pháp và giải quyết hậu quả phát sinh từ hợp đồng này theo quy định tại Điều 351, Điều 385 và Điều 398 của Bộ luật Dân sự; Điều 15 và Điều 29 của Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 về hụi, họ, biêu, phường của Chính phủ.

[2.3] Xét về lỗi: Bà S là người có lỗi vì đã vi phạm nghĩa vụ không giao trả lại tiền hụi mà bà L đã góp cho bà S. Do đó, bà L yêu cầu bà S phải hoàn trả cho bà L số tiền hụi gốc 81.870.000 đồng, không tính lãi là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 351 của Bộ luật Dân sự; Điều 15 và Điều 29 của Nghị định số: 144/2006/NĐCP, ngày 27 tháng 11 năm 2006 về hụi, họ, biêu, phường của Chính phủ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Đối với ông P, mặc dù ông không trực tiếp hợp đồng góp hụi với bà L, nhưng bà S là vợ hợp pháp của ông P, khi bà S làm chủ hụi thì vợ chồng ông sống chung trong gia đình, ông biết việc này, nhưng ông không ngăn cản, ông cũng biết bà L có hợp đồng góp hụi với bà S và ông cũng thừa nhận số tiền hoa hồng phát sinh từ việc làm chủ hụi của bà S là để xoay sở hàng ngày trong gia đình, sau khi bà S ngưng góp hụi ông cũng biết việc bà S còn nợ bà L tiền hụi gốc là 81.870.000 đồng. Nay ông P thống nhất cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho bà L số tiền 81.870.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, cần xử buộc bà S và ông P cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho bà L số tiền hụi gốc mà bà S còn nợ bà L là 81.870.000 đồng.

[3] Đối với ý kiến của bà Dương Thị S và ông Nguyễn Thanh P xin trả dần số tiền 81.870.000 đồng cho bà L bằng cách 06 tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, xét thấy không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà S và ông P cùng liên đới có trách nhiệm trả lại cho bà L số tiền là 81.870.000 đồng. Như đã nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà S và ông P phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.093.500 đồng. Tuy nhiên, bà S và ông P là những người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 của Luật người cao tuổi, nên bà S và ông P được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; bà L không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 2.136.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006270 ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 351, Điều 357, Điều 385, Điều 398 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 15 và Điều 29 của Nghị định số: 144/2006/NĐCP, ngày 27 tháng 11 năm 2006 về hụi, họ, biêu, phường của Chính phủ; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 2 của Luật người cao tuổi; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Buộc bà Dương Thị S và ông Nguyễn Thanh P cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền là 81.870.000 đồng *(tám mươi mốt triệu tám trăm bảy mươi ngàn đồng)*.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà S và ông P còn phải trả lãi cho bà L theo mức lãi suất 10%/năm, đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị S và ông Nguyễn Thanh P được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm; bà Nguyễn Thị L không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 2.136.000 đồng *(hai triệu một trăm ba mươi sáu ngàn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006270 ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với ông Nguyễn Thanh P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Liên Lâm Anh Thảo**